TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-ST
Ngày: 17/10/2018.
V/v: Khởi kiện "Yêu cầu huỷ quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Anh Chi**

Ông **Nguyễn Đăng Hải**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Tô Ngọc Lâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông V□ong Xuân Hoan- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn- thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLST - HCST ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc *" Yêu cầu huỷ quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại",* theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HC ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2018/ QĐST - HC ngày 24/7/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 03/2018/ QĐST - HC ngày 24/9/2018 giữa:

Người khởi kiện: Ông **Quách Văn N**. Sinh năm 1959.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã ĐH, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Ng□ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Quách Văn N: Luật s- Phạm Văn K- Văn phòng luật s- ĐN- Đoàn luật s- thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

Ng□ời bị kiện: **Chủ tịch UBND xã ĐH- huyện Sóc Sơn**

Địa chỉ: Đức Hậu- ĐH — Sóc Sơn — Hà Nội.

Ng□ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Uỷ ban nhân dân xã ĐH**- huyện Sóc Sơn- T/p Hà Nội.

Địa chỉ: Đức Hậu- ĐH — Sóc Sơn — Hà Nội.

Ng- ời đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Đ-** Chủ tịch UBND xã ĐH.

(ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Quách Văn N trình bày:

Gia đình ông đ- ợc Nhà n- ớc giao cho một diện tích đất để làm nhà ở tại thôn C- xã ĐH- huyện Sóc Sơn- T/p Hà Nội từ những năm 1980. Quá trình sử dụng, gia đình ông đã làm nhà ở, sân phơi và các công trình phụ, v- ờn cây, ao các Gia đình ông đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai. Năm 1992, cơ quan có thẩm quyền đã đo vẽ bản đồ địa chính thôn C, xã ĐH. Thửa đất gia đình ông đ- ợc sử dụng đ- ợc xác định là thửa số 09, tờ bản đồ số 05, có tổng diện tích là 773m^2. Thửa đất của gia đình có các cạnh tiếp giáp các hộ gia đình ông T, ông K, ông Đ, tr- ớc mặt là giáp ao HTX. Trên đất đ- ợc giao ông đã làm nhà, xây cổng, chuồng trại chăn nuôi, trồng tre, đào ao thả cá đồng thời xây kè ao. Quá trình sử dụng ông đã đóng thuế và mọi nghĩa vụ của chủ sử dụng đất đối với diện tích đất trên cho Nhà n- ớc.

Ngày 06/11/2015, UBND xã ĐH ra thông báo số 237/TB-UBND về việc triển khai làm đ- ờng dân sinh từ nhà ông K đi nhà ông T qua mặt đất nhà ông và yêu cầu gia đình phải tự giải phóng mặt bằng mà không có thông báo thu hồi đất hay đền bù giải phóng mặt bằng gì.

Ngày 28/10/2016 Chủ tịch UBND xã ĐH đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-KPHQ là Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trên quyết định này đã khẳng định ông xây dựng công trình cổng nhà trên diện tích đất công, xác định ông xây cổng rộng 3m, cao 3m so với cốt tự nhiên, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặcvữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m. Lý do không ra quyết định xử phạt là hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định này buộc ông phải tháo dỡ công trình trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc quyết định. Ông đã đ- ợc nhận Quyết định này nh- ng không đồng

ý tháo dỡ vì nh- đã trình bày ở trên là thửa đất nhà ông có diện tích đ- ợc công nhận là 773 m^2, ba bề tiếp giáp hàng xóm không tranh chấp với ai còn một bề tiếp giáp với ao HTX chứ không phải giáp đ- ờng ngõ nh- bản đồ của xã cung cấp.

Đến ngày 14/10/2016 Chủ tịch UBND xã ĐH là ông Nguyễn Văn Đ đã ký ban hành Quyết định số 133/QĐ-CC quyết định c- ỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong lĩnh vực xây dựng. Căn cứ để áp dụng là do không thực hiện Quyết định số 123 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ công trình vi phạm. Biện pháp c- ỡng chế gồm phá dỡ toàn bộ công trình vi phạm là cổng nhà trên diện tích đất công nh- đã nêu, hiệu lực của Quyết định là kể từ ngày ký. Trong cùng ngày 14/11/2016 UBND xã ĐH cũng có gửi Thông báo số 310/TB-UB về việc c- ỡng chế vào hồi 8h ngày 16/11/2016. Trên thực tế đến ngày 16/11/2016 UBND xã đã tiến hành việc c- ỡng chế phá dỡ cổng và hai trụ cổng, sau khi c- ỡng chế đã trả lại hai cánh cổng cho gia đình. Quá trình c- ỡng chế ông có mặt và chứng kiến, dù không đồng ý nh- ng ông không chống đối việc c- ỡng chế.

Nay ông yêu cầu Toà án xem xét huỷ hai Quyết định hành chính số 123/QĐ-KPHQ ngày 28/10/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định hành chính số 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016 về việc c- ỡng chế thi hành Quyết định số 123, ngoài ra sau này ông yêu cầu tuyên bố hành vi c- ỡng chế phá dỡ công ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH là trái pháp luật với lý do: Thửa đất nhà ông có diện tích 773m^2 đ- ợc thể hiện trên bản đồ địa chính thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 05, thôn C, xã ĐH đ- ợc Nhà n- ớc giao từ những năm 1980, có các cạnh:

- Phía Bắc giáp hộ ông Đào Văn K.
- Phía Nam giáp hộ ông Đào Văn T.
- Phía Đông giáp ao HTX.
- Phía Tây giáp hộ ông Quách Văn Đ.

Gia đình ông sử dụng đất ổn định không tranh chấp với ai và đóng thuế, nghĩa vụ đối với Nhà n- ớc đầy đủ. Quá trình sử dụng ông đã xây dựng cổng vào nhà, cổng rộng 3m, cao 3m, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặc vữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m, cánh cổng bằng sắt từ những năm 1990. Khi ông xây dựng không có ai phản đối, chính quyền thôn, xã cũng không có ý kiến gì, ông sử dụng cho đến lúc bị phá đã gần 30 năm nh- ng UBND xã kết luận ông xây cổng trên đất công là không đúng. Việc UBND xã ra hai Quyết định hành chính nói trên và c- ỡng chế phá dỡ tài sản của ông là hoàn toàn trái pháp

luật do không thành lập ban giải phóng mặt bằng, không đo đạc kiểm đếm, không bồi th- ờng hỗ trợ khi thu hồi đất.

Do xác định việc cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng trên đất của gia đình ông theo hai Quyết định số 123 và 133 nói trên là không đúng quy định của pháp luật nên ông đề nghị buộc UBND xã ĐH bồi thường thiệt hại cho gia đình ông giá trị các công trình đã bị tháo dỡ và đề nghị tính giá trị bồi thường theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá do Tòa án thành lập đã định. Yêu cầu của ông về bồi th- ờng thiệt hại bao gồm:

Cổng vào nhà (đã bị phá dỡ có trị giá: 13.620.000đ); Chuồng trại chăn nuôi, t- ờng bao quanh đất và t- ờng kè bờ ao, một bụi tre khoảng 20 cây, cá đang thả trong ao và 3000 gạch đã xếp kiêu sát bờ ao có trị giá khoảng 59.780.000đ. Lý do ông yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại đối với các tài sản nói trên (ngoại trừ cổng) mặc dù hai Quyết định hành chính chỉ xác định tài sản bị phá dỡ là một cổng nhà nh- đã nêu thì UBND xã đã dung túng cho ông Đào Trọng H là ng- ời mua thanh lý phần đất ao tiếp giáp với đất của ông phá dỡ hết các tài sản nói trên. Sau khi bị ông H phá hoại các tài sản trên ông đã làm đơn đề nghị Công an điều tra khởi tố vụ án và đang chờ kết quả

Ngoài yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại về tài sản ông yêu cầu UBND xã ĐH phải đo đạc xác định lại mốc giới và hoàn trả diện tích đất còn thiếu so với bản đồ là 667 m^2 do UBND xã thu hồi một phần đất của gia đình ông đ- ợc giao trong quá trình mở đ- ờng dân sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông đã có lời khai và rút yêu cầu về việc bồi th- ờng thiệt hại đối với các tài sản gồm: Chuồng trại chăn nuôi t- ờng bao quanh đất và t- ờng kè bờ ao, một bụi tre khoảng 20 cây, cá đang thả trong ao và 3000 gạch.

Người bị kiện – chủ tịch UBND xã ĐH trình bày:

Thửa đất nhà ông Quách Văn N tr- ớc đây là thửa số 6 tờ bản đồ 05 (lập năm 1984), thôn C, xã ĐH có diện tích 532 m^2 có hình thể và các cạnh phía Bắc giáp hộ ông K, phía Nam giáp hộ ông T, phía Tây giáp hộ ông Đ và phía đông giáp đ- ờng dân sinh. Lịch sử của thửa đất thì tr- ớc khi đ- ợc xác định diện tích nói trên thì gia đình ông chỉ đ- ợc giao sử dụng 408m^2 sau đó ông đã lấn chiếm thêm 124m^2. Vào ngày 18/10/1988 UBND xã đã có biên bản xử lý đất chiếm dụng trái phép, biện pháp xử lý lúc đó là thu thuế 100% đối với đất lấn chiếm sau đó hợp pháp hoá để ông có diện tích 532m^2 theo bản đồ. Trên bản đồ tại thời điểm này đã có đ- ờng ngõ

rộng 3 mét chạy tr- ớc mặt h- ớng Đông nhà ông N vào đến hộ ông T. Quá trình sử dụng ông N đã lấn toàn bộ đ- ờng này và lấn sang cả ao HTX (sau này đ- ợc bán thanh lý chộ ông Đào Trọng H) do hộ ông T không sử dụng đ- ờng ngõ này mà đi ngõ khác cùng các hộ bên trong.

Đến năm 1992 cơ quan nhà n- ớc đã đo vẽ lại bản đồ và xác định lại thửa đất nhà ông N là thửa số 09, tờ bản đồ 05, thôn C, xã ĐH. Trên bản đồ lúc này đoạn đ- ờng dân sịnh chạy tr- ớc mặt nhà ông N đã đ- ợc nối thông với ngõ qua nhà ông T, đ- ờng đ- ợc quy hoạch nh- cũ có chiều rộng 3 mét. Tuy nhiên ông N đã tự ý chiếm dụng cả con đ- ờng này, xây cổng, đào ao thả cá lấn đ- ờng và ao tập thể. Đối với diện tích đất 773 m^2 đ- ợc ghi trên bản đồ lập năm 1992 và đ- ợc chỉnh lý năm 2000 thì có thể là do sai sót trong quá trình đo, dẫn đạc đạc làm căn cứ tính thuế và các nghĩa vụ khác, có thể là do cán bộ đo vẽ không chuyên đã đo cả phần diện tích lấn chiếm và ghi diện tích đó vào bản đồ. UBND xã khẳng định gia đình ông N chỉ đ- ợc quyền sử dụng 532 m^2 nh- đã nêu trên vì qua quá trình quản lý tại địa ph- ơng các hộ gia đình xung quanh không lấn chiếm đất của ông N còn mặt phía đông thì đã có đ- ờng bao bọc.

Thực hiện đề án nông thôn mới, trên cơ sở đề nghị của các hộ dân trong thôn có nguyện vọng mở lại đ- ờng ngõ này nên lãnh đạo và nhân dân thôn C đã họp và thống nhất làm tuyến đ- ờng dân sinh từ nhà ông K qua nhàông N và ông T và cũng đã có báo cáo gửi UBND xã ĐH, trên cơ sở kiểm tra bản đồ và khảo sát thực địa UBND xã ĐH đã cho phép bê tông hoá tuyến đ- ờng ngõ trên với chiều rộng 3 mét theo bản đồ đã quy hoạch. UBND xã đã cùng với nhân dân thôn C vận động các hộ liên quan tháo dỡ các công trình trên đất công để trả lại mặt bằng, tuy nhiên chỉ có hộ ông N là không thực hiện. Ngày 14/05/2014 UBND xã đã chỉ đạo tổ công tác xuống cơ sở kiểm tra và phân định rõ mốc giới nh- ng ông N không nhất trí, ngoài ra còn nhiều buổi làm việc khác với các hộ dân liên quan khác vào các ngày 11,17/7/2014; 18/6/2015,21,29/9/2015 nữa, các hộ liên quan đều nhất trí tán thành duy chỉ có ông N là không đồng ý.

Quá trình thực hiện công vụ UBND xã đã lập nhiều biên bản và đã cung cấp cho Toà án. Ngày 06/11/2015 UBND xã ĐH đã ra thông báo số 237/TB-UB về việc triển khai làm đ- ờng dân sinh và đã gửi cho các hộ liên quan trong đó có ông N tuy nhiên gia đình ông N không thực hiện việc tự thu dọn tài sản xây dựng trên đất công. Đến ngày 25/10/2016 Tổ thanh tra xây dựng UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính số 284b. Tại biên bản này đã xác định ông N đã có hành vi xây

dựng cổng trên đất công với quy mô cổng rộng 3m, cao 3m, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặc vữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m, cánh cổng bằng sắt. Tại thời điểm này các tài sản khác của ông N trên đất công gồm chuồng bò, bụi tre, ao cá đã không còn, ông N tố cáo cho rằng ông Đào Trọng H là ng- ời mua đất ao thanh lý vào năm 2005 phá hoại tài sản của ông nói trên và có đơn đề nghị gửi Công an huyện Sóc Sơn xem xét xử lý tuy nhiên đến giừ vẫn ch- a rõ kết quả.

Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính nói trên, đến ngày 28/10/2016 Chủ tịch UBND xã ĐH đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-KPHQ là quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả để bộc ông N tháo dỡ cổng xây dựng trái phép trên đất công. Trong Quyết định này không xử phạt vi phạm hành chính vì cổng này xây dựng từ những năm 1990 nên đã quá thời hiệu xử phạt. Quyết định cũng cho ông N thời hạn thực hiện là 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định và đã giao cho ông N đầy đủ. Tuy nhiên ông N không thực hiện.

Ngày 14/11/2016 Chủ tịch UBND xã ĐH đã căn cứ vào thẩm quyền riêng để ban hành Quyết định số 133/QĐ-CC c- ỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Quách Văn N. Nôi dung quyết định c- ỡng chế phá dỡ công trình xây dựng là cổng rộng 3m, cao 3m, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặc vữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m xây dựng trên diện tích đất công, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, chi phí c- ỡng chế do ông N phải chịu. Lý do là ông N không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả, Ngoài ra đã ban hành Thông báo số 310/TB-UB ngày 14/11/2016 để thông báo cho ông N có mặt tại công trình và chứng kiến việc c- ỡng chế, Quyết định và Thông báo này cũng đ- ợc tống đạt cho ông N đầy đủ.

Đến ngày 16/11/2016 Chủ tịch UBND xã đã thành lập đoàn c- ỡng chế đến tiến hành c- ỡng chế phá dỡ cổng theo Quyết định 133. Đoàn c- ỡng chế đã thực hiện đúng trình tự thủ tục về thi hành Quyết định, ông N cũng có mặt chứng kiến và không có hành vi chống đối. Quá trình c- ỡng chế chỉ phá dỡ cổng gồm hai trụ và một mái nh- trong Quyết định, sau khi phá dỡ đã bàn giao mặt bằng để thi công đổ bê tông cho nhà thầu, lúc này về cơ bản đã có mặt bằng để làm đ- ờng. Ngoài cổng ra đoàn c- ỡng chế không c- ỡng chế tài sản nào khác.

Từ những căn cứ trên, ng- ời bị kiện khẳng định toàn bộ quy trình kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính, ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 123/QD-KPHQ ngày 28/10/2016 và Quyết định c- ỡng chế số 133/QĐ-CC

ngày 14/11/2016 cũng nh- hành vi c- ỡng chế là hoàn toàn hợp pháp vì vậy ng- ời bị kiện không chấp nhận các yêu cầu của ông Quách Văn N về việc yêu cầu huỷ hai Quyết định hành chính nói trên và không chấp nhận bất cứ yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại nào của ông N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã ĐH do ông Nguyễn Văn Đ đại diện trình bày:

Đại diện theo pháp luật của UBND xã ĐH, cũng là ng- ời đã ký ban hành hai Quyết định nói trên đồng nhất khẳng định toàn bộ quy trình ban hành văn bản và thực hiện việc c- ỡng chế là hợp pháp nên nhất trí nh- việc ng- ời bị kiện đã trình bày và không đồng ý với bất cứ yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại nào của ông Quách Văn N.

Tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người khởi kiện trình bày: Việc Chủ tịch UBND xã ĐH cho rằng gia đình ông Quách Văn N đã lấn, chiếm đất công từ năm 1988. Sau hơn 28 năm mới ra quyết định cưỡng chế, buộc ông N phải tháo dỡ công trình là cổng nhà ông N đã được xây dựng từ năm 1990. Trong khi đó, từ năm 1990 đến nay, UBND xã ĐH không hề có bất cứ một biên bản xử phạt vi phạm hành chính nào về việc ông N xây dựng cổng nhà trên đất công. Căn cứ pháp lý bảo vệ ông Quách Văn N như sau:

-Quyết định hành chính số: 123/QĐ-KPHQ ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH, đã căn cứ "Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012" để cho rằng ông Quách Văn N có hành vi vi phạm hành chính: Xây dựng cổng nhà trên đất công. Biện pháp khắc phục hậu quả là: Buộc ông N phải tháo dỡ toàn bộ công trình vi phạm, trả lại mặt bằng nguyên trạng ban đầu.

Chủ tịch UBND xã ĐH đã áp dụng sai pháp luật vì: Văn bản số: 02/VBHN-VPQH ngày 10/7/2014 của Văn phòng Quốc hội về việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật: Luật xử lý vi phạm hành chính đã nêu rõ: *"Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH11 ngày 20/6/2012 của Quốc hội có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Hải quan số: 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015"*.

Mặt khác, nếu Chủ tịch UBND xã ĐH cho rằng ông Quách Văn N có hành vi "vi phạm lấn đất công". Thì theo Điều 36 của Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 đã quy định: *"Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý"*.

Chủ tịch UBND xã ĐH đã căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số: 284/BB-TTrXD: Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự giác phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng do tổ Thanh tra xây dựng xã ĐH lập tại thôn Chùa, xã ĐH ngày 25/10/2016, để ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế, phá dỡ cổng vào nhà ông Quách Văn N là trái với quy định của pháp luật. Xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và gây dư luận xấu, làm mất lòng tin trong nhân dân.

- Thửa đất số: 09, tờ bản đồ số 05, có diện tích 773m2 tại thôn Chùa, xã ĐH do gia đình ông Quách Văn N sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay, ông N xây dựng cổng vào khu đất và nhà ở từ năm 1990. Như vậy, gia đình ông N là người đang sử dụng đất ổn định, phù hợp theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm i khoản 2 Điều 21 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Chủ tịch UBND xã ĐH cho rằng: trước đây diện tích thửa đất của gia đình ông N được giao làm nhà ở nhỏ hơn. Tháng 9/1988, ông N đã có hành vi lấn chiếm đất công và đã bị UBND xã ĐH xử phạt vi phạm hành chính, nên khi đo vẽ lại bản đồ tại thực địa thì thửa đất nhà ông N mới có diện tích là 773m2 như bây giờ.

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; tại khoản 3 Điều 22 đã quy định: *"Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện như sau:*

b) Trường hợp đang sử dụng đất mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì UBND cấp tỉnh chỉ đạo, rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; người đang sử dụng đất được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

Khoản 5 Điều 22 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP quy định: Người đang sử dụng đất ổn định trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này mà không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định như sau:

a) Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theoquy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định này;

Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định như sau: *"a). ...Trường hợp thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất ở thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức giao đất ở; trường hợp diện tích đất xây dựng nhà ở và các công trình xây dựng phục vụ đời sống lớn hơn hạn mức*

giao đất ở thì công nhận diện tích đất ở theo diện tích thực tế đã xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống đó";

Chủ tịch UBND xã ĐH cho rằng gia đình ông Quách Văn N đã lấn chiếm đất từ năm 1988; xây dựng công trình cổng nhà trên diện tích đất công từ năm 1990 để ra quyết định hành chính số: 123/QĐ-KPHQ ngày 28/10/2016 "Về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả" đối với gia đình ông N.

Quyết định số: 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016 "Về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động xây dựng" và hành vi tổ chức cưỡng chế, thực hiện việc phá dỡ cổng vào nhà, đất của gia đình ông Quách Văn N ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH là những Quyết định hành chính và Hành vi hành chính trái pháp luật; trái thẩm quyền. Bởi lẽ: Các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã ĐH nêu trên đã áp dụng Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 đã hết hiệu lực, bởi Luật đã được sửa đổi bổ sung bằng Luật Hải quan số: 54/2014/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.

Mặt khác, khi ra quyết định cưỡng chế công trình cổng vào nhà, đất của gia đình ông Quách Văn N. Chủ tịch UBND xã ĐH đã không có biên bản xác định rõ diện tích đất vi phạm giới hạn ở điểm nào trên bản đồ địa chính; lấn, chiếm bao nhiêu m2 diện tích đất, quy ra giá trị bằng tiền đối với loại đất đó tại thời điểm xử phạt. Để từ đó xác định thẩm quyền xử phạt đối với mức độ vi phạm đó có thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã hay không theo quy định tại Nghị định số: 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai.

Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết những vấn đề như sau:

- □p dụng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, hủy Quyết định hành chính số: 123/QĐ-KPHQ ngày 28/10/2016; hủy Quyết định số: 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH do đã ban hành quyết định có nội dung trái với quy định của Luật; không đúng thẩm quyền thu hồi đất, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông Quách Văn N.

- Đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để buộc Chủ tịch UBND xã ĐH phải khắc phục hậu quả, do đã thực hiện hành vi: Tổ chức cưỡng chế, phá dỡ cổng vào nhà của gia đình ông Quách Văn N không đúng quy định của pháp luật. Mức bồi thường theo giá trị thực tế xây dựng công trình, sau khi đã trừ đi tỷ lệ phần trăm khấu hao qua thời gian đã sử dụng;

- Đồng thời, đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại điểm a Điều 6.3 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; áp dụng khoản 2 Điều 168 của

Bộ Luật tố tụng dân sự để yêu cầu Chủ tịch UBND xã ĐH phải bồi thường cho gia đình ông Quách Văn N khoản chi phí thù lao của Luật sư. Cụ thể là: số tiền: 30.000.000 đồng phí tư vấn pháp luật, chi phí các hoạt động điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và củng cố, xây dựng luận cứ bảo vệ của Luật sư và mức thù lao 30% tổng giá trị tài sản đòi lại được cho gia đình ông N bằng hiện vật, QSD đất hoặc tiền mặt theo thỏa thuận của hợp đồng.

- Chủ tịch UBND xã ĐH đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về thẩm quyền thu hồi đất, quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đất đai; đã thu hồi một phần đất ở của gia đình ông Quách Văn N trái thẩm quyền. Xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông Quách Văn N. Theo số liệu đo đạc diện tích của Công ty TNHH Thương mại và đo đạc bản đồ CT ngày 12/9/2017; thì diện tích thửa đất ở của gia đình ông Quách Văn N chỉ còn lại 667m2; như vậy là Chủ tịch UBND xã ĐH đã thu hồi trái pháp luật phần diện tích đất của gia đình ông N là 106m2.

Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 20; khoản 5 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai để yêu cầu Chủ tịch UBND xã ĐH phải thực hiện việc đo đạc lại diện tích thực tế thửa đất số: 09, tờ bản đồ số 05, diện tích 773m2 tại thôn Chùa, xã ĐH, huyện Sóc Sơn của gia đình ông Quách Văn N. Trả lại đầy đủ diện tích 773m2 đất cho gia đình ông N, theo số liệu thực tế được phản ánh trên tờ bản đồ địa chính số 05; đo vẽ, chỉnh lý tại thực địa ngày 23/5/2000, tại thôn Chùa, xã ĐH, huyện Sóc Sơn - Tp phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng theo tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật, không vi phạm tố tụng. Người khởi kiện, ng-ời bị kiện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điều 25, 30,31 Luật Tố tụng hành chính; Luật đất đai, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước; Nghị Định số 180/2007/NĐ – CP ngày 07/12/2007; Nghị định số 121/2013/NĐ – CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ; Thông tư số 02/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ xây dựng; NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn N đối với Chủ tịch UBND xã ĐH.

Hủy Quyết định số 133 ngày 14.11.2018 của Chủ tịch UBND xã ĐH về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và tuyên bố hành vi c- ỡng chế ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH là trái pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu huỷ Quyết định hành chính số 123 ngày 28/10/2016 của UBND xã ĐH.

Không chấp nhận yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại về tài sản của ông Quách Văn N.

Không chấp nhận yêu cầu bồi th- ờng chi phí luật s- của đ- ơng sự.

Không chấp nhận yêu cầu khôi phục, bồi th- ờng 108 m^2 đất của ông N.

Về án phí Chủ tịch UBND xã ĐH phải chịu do bị huỷ Quyết định số 133. Ông N có yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại về tài sản không đ- ợc chấp nhận nên phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Ông Quách Văn N là ng- ời có quyền và lợi ích bị xâm phạm bởi các Quyết định hành chính số 123/QĐ-KPHQ ngày 28//10/2016 và Quyết định hành chính số 133/QQĐ-CC ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH. Đây là hai Quyết định cá biệt đ- ợc ban hành để thực hiện chức năng quản lý Nhà n- ớc, đ- ợc áp dụng một lần đối với đối t- ợng cụ thể nên là đối t- ợng khởi kiện vụ án hành chính. Việc ông N khởi kiện tại TAND huyện Sóc Sơn và đ- ợc TAND huyện Sóc Sơn thụ lý là đúng quy định về thẩm quyền xét xử của Toà án theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 123/QĐ-KPHQ ngày 28/10/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Quách Văn N được thực hiện cưỡng chế ngày 16/11/2016. Ông N khởi kiện yêu cầu hủy hai quyết định ngày 24/11/2016 tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền, trình tự và căn cứ ban hành các quyết định:

- Đối với Quyết định hành chính số 123/QĐ-KPHQ ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH:

Về thẩm quyền ban hành văn bản: Do xác định ông Quách Văn N có hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng tại đ- ờng tiểu ngõ dân sinh từ hộ nhà ông K qua nhà ông N, ông T tại thôn C- xã ĐH, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ – CP nên Tổ thanh tra xây dựng UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính số 284b ngày 25/10/2016 và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Do xác định các công trình xây dựng trên đất đã được chủ đầu tư là ông N xây dựng từ những năm 1990 hiện nay không còn có hành vi tiếp tục xây dựng nên thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 121/2013/NĐ – CP không còn. Thực hiện theo quy định tại Nghị định 121 nói trên, Chủ tịch UBND xã ĐH đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-KPHQ ngày28/10/2016 để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông N phải tháo dỡ công trình là cổng vào nhà rộng 3m, cao 3m, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặc vữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m xây dựng trên diện tích đất công trong thời hạn 10 ngày là đúng quy định tại Điều 67- Nghị định 121 về thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND xã ĐH đã ban hành Quyết định số 123/QĐ – KPHQ ngày 28/10/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ – CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở: Do ông N đã xây dựng các công trình trên phần đất mà UBND xã ĐH xác định là đất không được phép xây dựng từ những năm 1990 và đã chấm dứt hành vi xây dựng từ năm đó nên trên đất chỉ còn tồn tại công trình là cổng vào nhà do vậy hành vi xây dựng của ông N được UBND xã ĐH xác định là hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và đã xử lý theo quy trình được hướng dẫn tại Điểm a Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014. Về thời hạn thi hành quyết định, theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày thì Quyết định hành chính số 123 đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về thời hạn. Sau khi ban hành Quyết định đã đ- ợc gửi cho ông N vào

cùng ngày 28/10/2016, ông N đã nhận Quyết định nh- ng thể hiện quan điểm không đồng ý với quyết định.

Về căn cứ pháp lý ban hành quyết định: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện phần đất gia đình ông N bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định số 123 của Chủ tịch UBND xã ĐH là do gia đình ông tự ý sử dụng, không được các cơ quan có thẩm quyền giao đất. Qua xác minh các tài liệu địa chính thể hiện phần đất ông N chiếm dụng đã có quy hoạch đ- ờng ngõ từ những năm 1980, giáp đ- ờng này là ao tập thể. Quá trình sử dụng ông N đã lấn chiếm toàn bộ phần đất làm đ- ờng này. Thửa đất nhà ông Quách Văn N tr- ớc đây là thửa số 6 tờ bản đồ 05 (lập năm 1984), thôn C, xã ĐH có diện tích 532 m^2 có hình thể và các cạnh phía Bắc giáp hộ ông K, phía Nam giáp hộ ông T, phía Tây giáp hộ ông Đ và phía đông giáp đ- ờng dân sinh. Lịch sử của thửa đất thì tr- ớc khi đ- ợc xác định diện tích nói trên thì gia đình ông chỉ đ- ợc giao sử dụng 408m^2 sau đó ông đã lấn chiếm thêm 124m^2. Vào ngày 18/10/1988 UBND xã đã có biên bản xử lý đất chiếm dụng trái phép, biện pháp xử lý lúc đó là thu thuế 100% đối với đất lấn chiếm sau đó hợp pháp hoá để ông có diện tích 532m^2 theo bản đồ. Thửa đất nhà ông N ch- a có Giấy CNQSD đất hay có giấy tờ về quyền sử dụng đất nào khác, việc xác định diện tích chỉ có thể căn cứ vào các bản đồ do cơ quan quản lý Nhà n- ớc thực hiện, trên bản đồ tại thời điểm năm 1984 đã có đ- ờng ngõ rộng 3 mét chạy tr- ớc mặt h- ớng Đông nhà ông N vào đến hộ ông T, đ- ợc các hộ liền kề cũng nh- đại diện chính quyền thôn C xác nhận. Quá trình sử dụng ông N đã lấn toàn bộ đ- ờng này và lấn sang cả ao HTX (sau này đ- ợc bán thanh lý chộ ông Đào Trọng H) do hộ ông T không sử dụng đ- ờng ngõ này mà đi ngõ khác cùng các hộ bên trong. Đến năm 1992 cơ quan nhà n- ớc đã đo vẽ lại bản đồ và xác định lại thửa đất nhà ông N là thửa số 09, tờ bản đồ 05, thôn C, xã ĐH. Trên bản đồ lúc này đoạn đ- ờng dân sịnh chạy tr- ớc mặt nhà ông N đã đ- ợc nối thông với ngõ qua nhà ông T, đ- ờng đ- ợc quy hoạch nh- cũ có chiều rộng 3 mét. Tuy nhiên ông N đã tự ý chiếm dụng cả con đ- ờng này, xây cổng, đào ao thả cá lấn đ- ờng và ao tập thể. Đối với diện tích đất 773 m^2 đ- ợc ghi trên bản đồ lập năm 1992 và đ- ợc chỉnh lý năm 2000, đây là bản đồ hiện trạng đất đang sử dụng thì chỉ có thể là do sai sót trong quá trình đo, dẫn đạc đạc làm căn cứ tính thuế và các nghĩa vụ khác, do cán bộ đo vẽ không chuyên đã đo cả phần diện tích lấn chiếm và ghi diện tích đó vào bản đồ. UBND xã khẳng định gia đình ông N chỉ đ- ợc quyền sử dụng 532 m^2 nh- đã nêu trên vì qua quá trình quản lý tại địa ph- ơng các hộ gia đình xung quanh không lấn

chiếm đất của ông N còn mặt phía đông thì đã có đ- ờng bao bọc. Quá trình điều tra Toà án đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ và tiến hành định giá đã xác định đ- ợc thửa đất hiện tại của hộ ông N có diện tích 664.5m2, nh- vậy khẳng định đ- ợc diện tích ông N đang quản lý sử dụng lớn hơn nhiều so với diện tích đất đ- ợc giao. Sai số về diện tích ghi trên bản đồ xuất phát từ việc đo đạc không chính xác. Việc gia đình ông N đã sử dụng phần đất này và xây dựng các công trình trên đất nhiều năm nay nhưng không có cơ quan nào xử lý là tồn tại của chính sách quản lý lỏng lẻo đối với đất đai ở địa phương.

Từ những nhận định và đánh giá nêu trên cho thấy Quyết định số 123/QĐ – KPHQ ngày 28/10/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Quách Văn N của Chủ tịch UBND xã ĐH ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành cả về hình thức và nội dung theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu huỷ quyết định của ông N cũng nh- luật s- bảo vệ cho ng- ời khởi kiện và giữ nguyên Quyết định hành chính số 123 nói trên.

- Đối với Quyết định hành chính số 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH và hành vi c- ỡng chế ngày 16/11/2016:

Về thẩm quyền ban hành văn bản: Do xác định ông Quách Văn N không chấp hành Quyết định số 123/QĐ-KPHQ ngày28/10/2016 để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông N phải tháo dỡ công trình là cổng vào nhà rộng 3m, cao 3m, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặc vữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m xây dựng trên diện tích đất công nên Chủ tịch UBND xã ĐH đã ban hành Quyết định số 133 về việc c- ỡng chế thi hành Quyết định 123 nói trên là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền ban hành văn bản đ- ợc quy định tại các điều 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: Xác định việc ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 123 ngày 28/10/2016 là đúng trình tự, thủ tục về thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu và đúng căn cứ pháp lý do Tổ thanh tra xây dựng UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính số 284b ngày 25/10/2016 và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm nh- ng ông N không tự nguyện thi hành dẫn đến phải ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 123. Sau khi ban hành Quyết định này ông N đ- ợc cho thời hạn thực hiện là 10 ngày nh- ng vẫn không tự nguyện phá dỡ nên Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định c- ỡng chế số 133 là đúng pháp luật. Sau khi ban

hành, Quyết định này đã đ- ợc giao cho ông N vào hồi 15h ngày 14/11/2016 và ông N đã ký nhận.

Về căn cứ pháp lý ban hành quyết định: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện phần đất gia đình ông N bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quyết định số 123 của Chủ tịch UBND xã ĐH là do gia đình ông tự ý sử dụng, không được các cơ quan có thẩm quyền giao đất là đúng. Quyết định c- ỡng chế số 133 ngày 14/11/2016 đã căn cứ vào Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định căn cứ ban hành quyết định c- ỡng chế là đúng. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 thì thời hạn thi hành c- ỡng chế tối thiểu là 15 ngày kể từ ngày nhận quyết định c- ỡng chế nh- ng đến ngày 16/11/2016 UBND xã ĐH đã thành lập đoàn c- ỡng chế và tiến hành c- ỡng chế thi hành quyết định, lập biên bản thi hành c- ỡng chế có sự chứng kiến của ông N. Việc thi hành Quyết định c- ỡng chế số 133 nói trên chỉ sau hai ngày ban hành Quyết định là không đúng quy định về trình tự thủ tục thời hạn ban hành và thi hành quyết định. Ngoài ra cũng xác định đ- ợc hành vi c- ỡng chế ngày 16/11/2016 là không đúng do ch- a đủ thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 166.

Từ những nhận định và đánh giá nêu trên cho thấy Quyết định 133/QĐ - CC về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH ban hành chưa đúng trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành theo quy định của pháp luật nên cần huỷ quyết định cũng nh- xác định hành vi c- ỡng chế của Chủ tịch UBND xã ĐH là trái pháp luật. Tuy nhiên dù trình tự thủ tục về thời hạn ban hành quyết định chưa đúng với quy định của pháp luật nhưng về thẩm quyền ban hành quyết định và đặc biệt là căn cứ pháp lý để bản hành quyết định dựa trên đánh giá căn cứ pháp lý để ban hành quyết định về nguồn gốc đất bị cưỡng chế là đ- ờng dân sinh đ- ợc quy hoạch có chiều rộng 3 mét đã đ- ợc quy hoạch từ những năm 1980, diện tích đất ông N đ- ợc giao theo bản đồ năm 1984 là 532 m^2 việc đổ bê tông đ- ờng dân sinh theo nhu cầu của nhân dân và theo quy hoạch là cần thiết. Quá trình thi hành Quyết định c- ỡng chế số 133 chỉ phá dỡ cổng vào nhà rộng 3m, cao 3m, hai trụ cổng mỗi trụ có kích th- ớc 0.4x0.4m bằng gạch đặc vữa xi măng cát, mái đổ bê tông chiều dày 0.1m, ngoài ra không c- ỡng chế đối với tài sản nào khác của ông N vì vậy mặc dù huỷ quyết định c- ỡng chế số 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016 và xác định hành vi c- ỡng chế ngày 16/11/2016 của

Chủ tịch UBND xã ĐH là trái pháp luật nhưng không cần thiết phải buộc UBND xã ĐH bồi thường thiệt hại đối với việc thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 133.

Về yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại của ông N: Đối với cổng vào nhà do bị c- ỡng chế của ng- ời khởi kiện: Ông N xác định gồm hai trụ cổng và một mái cổng xây dựng từ những năm 1990 có trị giá 13.620.000đ, tài sản này đã đ- ợc hội đồng định giá kết luận có trị giá hiện tại (đã trừ khấu hao) có giá trị là 895.000đ. Do huỷ Quyết định số 133 của Chủ tịch UBND xã ĐH nh- ng không buộc bồi th- ờng về tài sản bị c- ỡng chế đối với UBND xã ĐH theo Luật trách nhiệm bồi th- ờng của Nhà n- ớc.

Đối với yêu cầu bồi th- ờng các tài sản khác bao gồm chuồng tại chăn nuôi, t- ờng bao quanh đất, t- ờng xây bờ ao, một bụi tre khoảng 20-30 cây, ao thả cá và 3000 viên gạch: Đây là những tài sản theo ông N khai là đã bị ông Đào Trọng H là ng- ời mua thanh lý ao HTX phá hoại và ông đã có đơn gửi Công An huyện Sóc Sơn xem xét xử lý, ngoài ra bản thân ông N cũng nh- UBND xã ĐH cũng đều khẳng định trong Quyết định c- ỡng chế cũng nh- quá trình c- ỡng chế chỉ phá dỡ cổng vào nhà. Các tài sản này đều đã không còn nên không tiến hành xem xét thẩm định, định giá đ- ợc. Do thiệt hại tài sản không nằm trong vụ án hành chính này, ông N cũng đã có lời khai và rút yêu cầu bồi th- ờng đối với những tài sản này nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với yêu cầu xác định lại mốc giới thửa đất số 09 tờ bản đồ 05 và buộc trả lại 106 m^2 đất bị thiếu hụt so với diện tích đ- ợc ghi trên bản đồ địa chính: Nh- đã phân tích ở trên, xác định nguồn gốc ông N đ- ợc sử dụng 532 m^2 (bao gồm cả phần đất đ- ợc hợp pháp hoá là 124m^2). Diện tích hiện tại thực tế ông đang sử dụng là 664.5 m^2 , ngoài ra quá trình thẩm định đối với phần đ- ờng ngõ đã đ- ợc đổ bê tông có chiều rộng phía giáp nhà ông K là 03 mét, phía giáp nhà ông T là 2.79 mét nên xác định đ- ờng không lấn vào đất nhà ông N mà cơ bản vẫn nằm trong diện tích đ- ờng đã đ- ợc quy hoạch từ tr- ớc nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông N.

Đối với yêu cầu Chủ tịch UBND xã ĐH phải bồi thường cho gia đình ông Quách Văn N khoản chi phí thù lao của Luật sư; mức bồi thường theo thỏa thuận về thù lao của Luật sư. Cụ thể là số tiền: 30.000.000 đồng phí tư vấn pháp luật, chi phí các hoạt động điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và củng cố, xây dựng luận cứ bảo vệ của Luật sư và mức thù lao 30% tổng giá trị tài sản đòi lại được cho gia đình ông N bằng hiện vật, QSD đất hoặc tiền mặt theo

thỏa thuận của hợp đồng: Đây là yêu cầu mới, phát sinh tại phiên toà, không phải là thiệt hại do Quyết định hành chính số 133 và hành vi hành chính về việc c- ỡng chế thi hành Quyết định gây ra cho ông N, cũng không phải là chi phí hợp lý để xác định là thiệt hại. Ngoài ra xác định đây là thoả thuận dân sự riêng giữa ng- ời khởi kiện và ng- ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đ- ơng sự, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

[3] Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận một phần, nên người khởi kiện không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Ng- ời khởi kiện yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại về tài sản không đ- ợc chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại về tài sản là cổng vào nhà gồm hai trụ cổng và một mái cổng xây dựng từ những năm 1990 có trị giá tự xác định là 13.620.000đ, tài sản này đã đ- ợc hội đồng định giá kết luận có trị giá hiện tại (đã trừ khấu hao) có giá trị là 895.000đ. Người khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị phần tài sản này nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do Tòa án không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông theo quy định tại Khoản 6, 7 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 với mức án phí là 300.000đ.

Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận một phần theo quy định tại Khoản 7 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 7, Điều 30, Điều 31, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều, Điều 204 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính.

- Áp dụng khoản 3 Điều 98, Điều 126, điểm b khoản 1 Điều 127 luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Luật số 10/2017/QH14 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước ngày 20/6/2017.

- Áp dụng Nghị định số 121/2013/NĐ – CP của Chính phủ; Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 121/2013/NĐ – CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy

định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về c- ỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn N về yêu cầu Hủy quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 123/QĐ - KPHQ ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn N về yêu cầu Hủy quyết định cưỡng chế số 133/QĐ - CC ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động xây dựng đối với ông Quách Văn N và yêu cầu tuyên bố hành vi c- ỡng chế phá dỡ cổng ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH là trái pháp luật. Huỷ Quyết định cưỡng chế số 133/QĐ - CC ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND xã ĐH về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động xây dựng đối với ông Quách Văn N; Tuyên bố hành vi c- ỡng chế phá dỡ cổng ngày 16/11/2016 của UBND xã ĐH là trái pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu bồi th- ờng thiệt hại về tài sản đối với công trình đã bị c- ỡng chế theo Quyết định số 133/QĐ-CC ngày 14/11/2016.

Không chấp nhận yêu cầu bồi th- ờng 106 m^2 đất của ông Quách Văn N đối với Chủ tịch UBND xã ĐH.

Không chấp nhận yêu cầu bồi th- ờng chi phí luật s- của ông Quách Văn N.

Chủ tịch UBND xã ĐH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Quách Văn N không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm và phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Tiếp tục tạm giữ số tiền ông N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí hành chính theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AC2015/0000642

ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn để đảm bảo thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hải

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn
- UBND huyện ;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;